

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 05 (Bảo Lâm)

Môn: Phần B.I. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Bàn Thị Vân Anh	8,00	Tám	41	Dương Văn Lợi	7,00	Bảy
2	Hoàng Ngọc Anh	8,00	Tám	42	Lương Hà Lý	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	43	Nguyễn Ngọc Mẫn	8,00	Tám
4	Nông Văn Cường	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Mạc Văn Minh	2,00	Hai
5	Hoàng Cao Cường	8,00	Tám	45	Nông Văn Minh	7,50	Bảy phẩy năm
6	Nguyễn Đức Chinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Nông Văn Mộc	3,00	Ba
7	Nông Văn Dũng	6,00	Sáu	47	Lâu Thị My	5,50	Năm phẩy năm
8	Quan Thị Dung	6,00	Sáu	48	Hoa Thị Nga	8,00	Tám
9	Phương Đình Duy	7,50	Bảy phẩy năm	49	Hoàng Thị Ngân	6,50	Sáu phẩy năm
10	Lý Văn Đình	5,50	Năm phẩy năm	50	Nguyễn Hoàng Ngoan	6,50	Sáu phẩy năm
11	Hà Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	51	Liên Thị Nguyên	2,00	Hai
12	Hoàng Thị Duyên	7,00	Bảy	52	Mã Văn Nhâm	5,50	Năm phẩy năm
13	Lãnh Thị Duyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	53	Bé Thị Nhung	4,00	Bốn
14	Lục Văn Đức	7,50	Bảy phẩy năm	54	Sầm Thị Phiên	7,50	Bảy phẩy năm
15	Mông Thị Điệp	7,00	Bảy	55	Hà Văn Phong	7,50	Bảy phẩy năm
16	Dương Thị Điệp	6,00	Sáu	56	Đặng Văn Quân	8,00	Tám
17	Dương Văn Định	5,00	Năm	57	Trần Hùng Quang	6,50	Sáu phẩy năm
18	Nguyễn Thị Thu Hà	8,00	Tám	58	Âu Hoàng Quốc	6,00	Sáu
19	Phan Thị Hạnh	7,00	Bảy	59	Nông Thị Sấn	7,50	Bảy phẩy năm
20	Trịnh Thị Hạnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Vương Văn Sính	7,00	Bảy
21	Lã Xuân Hải	7,50	Bảy phẩy năm	61	Vi Văn Sơn	5,00	Năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Nông Thị Hậu	6,50	Sáu phẩy năm	62	Phùng Văn Tập	6,00	Sáu
23	Ma Xuân Hòa	5,00	Năm	63	Anh Thị Thanh	5,00	Năm
24	Tô Thị Thu Hoài	6,00	Sáu	64	Mạc Văn Thánh	4,00	Bốn
25	Ma Thị Hoàn	7,00	Bảy	65	Hoàng Văn Thành	5,50	Năm phẩy năm
26	Hà Thị Bích Hồng	6,00	Sáu	66	Nguyễn Thị Phương Thảo	7,50	Bảy phẩy năm
27	Mạc Văn Huân	7,50	Bảy phẩy năm	67	Nông Thị Thảo	6,50	Sáu phẩy năm
28	Nông Thị Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Hoàng Thị Thời	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Mã Thị Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	69	Lữ Thị Thu	7,50	Bảy phẩy năm
30	Nguyễn Như Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	70	Mạc Thị Thu	4,00	Bốn
31	Hoa Mạnh Hưng	8,00	Tám	71	Lữ Thu Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
32	Nông Thị Hương	5,50	Năm phẩy năm	72	Hoàng Lệ Thủy	8,00	Tám
33	Chu Thị Thanh Huyền	7,00	Bảy	73	Lãnh Thị Phương Trang	6,50	Sáu phẩy năm
34	Ngô Văn Khánh	7,50	Bảy phẩy năm	74	Triệu Thị Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Phạm Thị Khuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Lãnh Thị Trọng	4,00	Bốn
36	Nông Ngọc Kiên	7,25	Bảy phẩy hai năm	76	Mã Thị Tú	8,00	Tám
37	Lương Thị Ngọc Lan	7,25	Bảy phẩy hai năm	77	Hoàng Huy Tuyên	6,00	Sáu
38	Hà Thị Lan	8,00	Tám	78	Nông Văn Tuyên	5,50	Năm phẩy năm
39	Nông Thị Lành	7,00	Bảy	79	Phương Ánh Tuyết	3,00	Ba
40	Triệu Thị Liên	8,00	Tám	80	Mạc Thị Vè	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 2,00: 02 điểm; Điểm 3,00: 02 điểm; Điểm 4,00: 04 điểm; Điểm 5,00: 04 điểm; Điểm 5,50: 06 điểm; Điểm 6,00: 08 điểm; Điểm 6,50: 05 điểm; Điểm 7,00: 08 điểm; Điểm 7,25: 04 điểm; Điểm 7,50: 16 điểm; Điểm 7,75: 08 điểm; Điểm 8,00: 12 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy



Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa